

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 9 - 2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và bà Đoàn Thị Lua.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/4/2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1984 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn 02, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Hà Đức Th, sinh năm 1982 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn 02, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị Trần Thị D và anh Hà Đức Th đã từng là vợ chồng nhưng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đã ly hôn vào năm 2011. Sau đó một thời gian chị D và anh Th đã quay lại chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Sau khi đăng ký kết hôn lại, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nguyên nhân là do hai vợ chồng có nhiều khác biệt về quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, anh Th là người gia trưởng, anh Th còn thường xuyên chửi bới, đánh đập và đuổi chị D ra khỏi nhà.

Chị D cho rằng tình cảm đối với anh Th không còn, hai bên đã không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết cho ly hôn với anh Th.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu Hà Đức B, sinh ngày 22/7/2006 và Hà Tuấn Kh, sinh ngày 14/9/2018, hiện đang sinh sống cùng chị D, anh Th. Chị D đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi một con chung, chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Kh đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung, nhường quyền nuôi dưỡng cháu B cho anh Th.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Lời khai của anh Hà Đức Th trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Anh Th thừa nhận việc kết hôn và ly hôn với chị D năm 2011, sau đó vợ chồng quay về chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã DBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông, quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung như chị D trình bày. Anh Th thừa nhận do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên anh Th khẳng định không đánh đập chị D mà do chị D thường tự ý bỏ nhà đi sau mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sau đó quay về làm đơn ly hôn với anh Th. Anh Th cũng không còn tình cảm với chị D nên đồng ý ly hôn.

Về con chung anh Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do anh Th nhận nuôi cả hai con chung vì cho rằng chị D không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dạy con, do lần ly hôn trước khi Tòa án giao cháu B cho chị D nuôi dưỡng đã để cháu xảy ra tai nạn tại trường học một năm hai lần, anh Th cũng có điều kiện kinh tế hơn chị D nên đảm bảo việc nuôi con.

Tại phiên tòa anh Th vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển

hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D, cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Hà Đức Th.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Hà Tuấn Kh, sinh ngày 14/9/2018 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Hà Đức B, sinh ngày 22/7/2006 cho anh Hà Đức Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hà Đức Th có nơi cư trú tại thôn 02, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông do đó đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị D với anh Th, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị D và anh Th đã từng là vợ chồng nhưng cuộc sống không hạnh phúc nên đã ly hôn vào năm 2011, sau đó quay về chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Th là hợp pháp.

Xét thấy, sau khi kết hôn lần thứ hai năm 2018, cuộc sống vợ chồng của chị D và anh Th cũng không có hạnh phúc, hôn nhân giữa chị D và anh Th đã tồn tại mâu thuẫn kéo dài, cả chị D và anh Th đều cho rằng cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị D khẳng định hiện nay không còn tình cảm và không còn quan tâm đến anh Th, anh Th cũng đồng ý ly hôn với chị D. Hội đồng xét xử xét thấy, với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh Th đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị D với anh Th là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng con nhỏ là cháu Hà Tuấn Kh, sinh ngày 14/9/2018 đến tuổi trưởng thành, nhường quyền nuôi dưỡng cháu Hà Đức B, sinh ngày 22/7/2006 cho anh Th. Anh Th đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành vì cho rằng chị D không đảm bảo được việc chăm sóc, nuôi dạy con. Ngoài ra, anh Th cho rằng thu nhập của anh Th tốt hơn chị D nên đảm bảo việc nuôi con hơn so với chị D.

Cháu Hà Đức B có nguyện vọng được ở với anh Hà Đức Th nếu chị D và anh Th ly hôn.

Xét thấy, cả chị D và anh Th đều có quyền nuôi con, không thuộc trường hợp bị hạn chế quyền nuôi con và cả hai đều có điều kiện kinh tế để nuôi con. Do đó, anh Th yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung là chưa phù hợp. Xét về nguyện vọng của con chung là cháu Hà Đức B muốn được anh Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và việc lựa chọn của cháu B là hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, dựa trên nguyện vọng, điều kiện của chị D và anh Th và nguyện vọng của con chung thì việc giao cho mỗi người nuôi dưỡng một con chung đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Đối với cháu Hà Tuấn Kh, sinh ngày 14/9/2018, còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm đề nghị về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Hà Đức Th.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Tuấn Kh, sinh ngày 14/9/2018 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao cháu Hà Đức B, sinh ngày 22/7/2006 cho anh Hà Đức Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị D, anh Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai có quyền ngăn cản. Nếu chị D, anh Th lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người kia.

Chị Trần Thị D, anh Hà Đức Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng khi cần thiết.

3. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số 0002227 ngày 14/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã ĐBS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu

